**Phần I: Mẫu báo cáo của Công ty quản lý quỹ**

**(Ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)**

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

***(Quý III/ 2022)***

**1. Thông tin chung về Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng DFVN (DFVN – CAF)**

**1.1. Mục tiêu của Quỹ:**

Quỹ đặt mục tiêu tăng trưởng vốn và tài sản của nhà đầu tư, phấn đấu cao hơn mức tăng trưởng của Thị trường Chứng khoán Việt Nam (VN-Index) trong dài hạn, bằng việc đầu tư chủ yếu vào các cổ phiếu niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

**1.2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

Tính đến cuối kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là -2,87% so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo.

**1.3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

**Chiến lược đầu tư:**

Quỹ sẽ đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết có mức vốn hóa lớn trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam. Việc lựa chọn ngành nghề và công ty được thực hiện trên cơ sở đánh giá giá trị, phân tích cơ bản và đánh giá các yếu tố thị trường. Điều kiện lựa chọn công ty như sau:

* Là công ty trong nhóm dẫn đầu ngành nghề kinh doanh;
* Có tình trạng tài chính lành mạnh;
* Có dòng tiền ổn định, chất lượng tài sản tốt; và
* Có hệ thống quản trị doanh nghiệp tin cậy.

Lĩnh vực đầu tư chính của Quỹ là tập trung vào cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán, cổ phiếu sắp niêm yết và các cổ phiếu doanh nghiệp cổ phần hóa.

**Tài sản được phép đầu tư:**

* Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
* Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
* Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
* Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
* Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (1) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản tại điểm này phải đáp ứng các điều kiện sau:
* Có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; có quy định tại Bản Cáo bạch; và
* Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.
* Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ; và
* Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

**Cơ cấu đầu tư:**

Tỷ trọng phân bổ tài sản đầu tư của Quỹ như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tài sản đầu tư** | **Tỷ trọng (% NAV của Quỹ)** |
| Cổ phiếu | 50% – 100% |
| Tiền gửi ngắn hạn (\*) | 0 – 49% |
| Tiền trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát | Là phần còn lại sau khi đầu tư vào hai (02) loại tài sản nêu trên. |

(\*) Kỳ hạn tối đa là ba (03) tháng; Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi tại các Ngân hàng có định mức tín nhiệm thích hợp, trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

**1.4. Phân loại Quỹ:**

Quỹ là quỹ đại chúng dạng mở.

**1.5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:**

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

**1.6. Mức độ rủi ro ngắn hạn:**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình.

Đồng thời, với phương pháp lựa chọn đầu tư năng động như trình bày sau đây, mức độ rủi ro ngắn hạn của Quỹ cũng tương ứng linh động theo từng thời điểm đầu tư.

Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động để tìm kiếm, xác định và lựa chọn các cơ hội đầu tư. Căn cứ vào các nghiên cứu, phân tích cơ bản nền kinh tế vĩ mô, phân tích công ty, các yếu tố thị trường, Quỹ sẽ xây dựng mô hình phân bổ tài sản phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ và phù hợp với điều kiện thị trường ở mỗi giai đoạn khác nhau. Đối với từng khoản đầu tư, Quỹ sẽ tập trung tìm kiếm và khai thác các khoản đầu tư có giá trị thị trường hấp dẫn so với giá trị cơ bản, các khoản đầu tư có xu hướng tăng trưởng dài hạn. Đồng thời Quỹ cũng xác định những rủi ro đối với danh mục đầu tư và có biện pháp kiểm soát đối với những rủi ro này. Nhờ đó, danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các tài sản đầu tư có chất lượng cao và có thể gia tăng được giá trị thông qua chiến lược quản lý đầu tư chủ động của Quỹ.

**1.7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 03 tháng 01 năm 2019.

**1.8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022, số lượng Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 10.471.473,60 CCQ, tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 104.714.736.000 VND.

**1.9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:**

Quỹ không áp dụng chỉ số tham chiếu

**1.10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

Như đã được đề cập trong Bản cáo bạch, Quỹ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu với mục tiêu chính là tăng trưởng giá trị vốn trong giai đoạn trung và dài hạn; do đó Quỹ có hạn chế trong việc chia cổ tức hằng năm. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được chấp thuận bởi Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

Việc chi trả lợi nhuận bảo đảm nguyên tắc:

* Lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong năm hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
* Mức chi trả lợi nhuận phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại điều lệ quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua;
* Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng; và
* Trường hợp phân phối lợi nhuận bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Hình thức phân phối lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị chứng chỉ quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng đơn vị chứng chỉ quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện quỹ). Chỉ những nhà đầu tư có tên trên danh sách nhà đầu tư sở hữu đơn vị chứng chỉ quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức từ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.

**1.11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ:**

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

**2. Số liệu hoạt động**

**2.1. Cơ cấu tài sản quỹ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **30/09/2022**  **(%)** | **30/09/2021**  **(%)** | **30/09/2020**  **(%)** |
| 1.Danh mục chứng khoán cơ cấu | 84,82% | 89,65% | 93,33% |
| 2.Tiền và tương đương tiền | 12,40% | 9,76% | 4,11% |
| 3.Tài sản khác | 2,78% | 0,59% | 2,56% |
| **Cộng** | **100%** | **100%** | **100%** |

**2.2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiêu** | **30/09/2022** | **30/09/2021** | **30/09/2020** |
| 1. NAV của Quỹ (VND) | 137.898.339.272 | 140.999.663.807 | 82.255.706.180 |
| 2. Tổng CCQ đang lưu hành (số lượng) | 10.471.473,60 | 9.092.256,50 | 8.050.716,62 |
| 3. NAV của một đơn vị CCQ (VND) | 13.168,95 | 15.507,66 | 10.217,19 |
| 4. NAV cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 14.814,45 | 16.283,77 | 10.254,01 |
| 5. NAV thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 13.168,95 | 14.479,49 | 8.633,51 |
| 6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ (%) | -4,96 | -4,26 | 12,34 |
| 9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 12.Ngày chốt quyền | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 2,64 | 3,23 | 3,39 |
| 14.Tốc độ vòng quay danh mục (%) | 152,93 | 309,84 | 164,85 |

**2.3.Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)** |
| - 1 năm | -15,08% | -15,08% |
| - 3 năm | 20,44% | 6,39% |
| - Từ khi thành lập | 31,69% | 7,63% |

**2.4. Tăng trưởng hàng năm:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời kỳ** | **30/09/2022**  **(%)** | **30/09/2021**  **(%)** | **30/09/2020**  **(%)** |
| Tỷ lệ tăng trưởng /01 đơn vị CCQ (%) | -15,08% | 51,78% | -6,55% |

**3. Mô tả thị trường trong kỳ:**

Kinh tế Xã hội quý 3 năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đối mặt rủi ro gia tăng và ngày càng nhiều các cảnh báo suy thoái kinh tế toán cầu được đưa ra. Xung đột địa chính trị giữa Nga và Ukraina chưa kết thúc, tăng trưởng kinh tế của Mỹ và Châu Âu dự báo phục hồi chậm, trong khi lạm phát và lãi suất điều hành của Mỹ và các nền kinh tế lớn đều đã tăng, thị trường ngoại hối biến động mạnh. Giá cả các loại hàng hóa trên thị trường thế giới vẫn neo mở mức cao mặc dù đã có điều chỉnh giảm trong thời gian qua tiếp tục tạo áp lực lớn đến lạm phát cho các quốc gia trên thế giới. Các tổ chức quốc tế đều giảm dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu so với trước đó. Riêng đối với Việt Nam, từ số liệu tăng trưởng mạnh của GDP Quý 3 so với cùng kỳ năm ngoái là 13,8%, IMF đã tăng dự báo tăng trưởng GDP lên 7-7,5% trong năm 2022. Kinh tế vĩ mô của Việt Nam được đánh giá ổn định và phục hồi tốt, Moody trong kỳ đánh giá tháng 9 năm 2022 đã nâng 1 hạng thành Ba2 - ổn định từ mức Ba3 - tích cực.

Đối với tình hình trong nước, Chính Phủ đã chỉ đạo mở cửa kinh tế sau dịch bệnh, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế để không lỡ nhịp với đà phục hồi của kinh tế thế giới. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ trong 2 năm 2022-2023. Đẩy mạnh giải ngân đầu tư công với các dự án hạ tầng trọng điểm làm động lực cho phát triển kinh tế toàn xã hội. Ổn định kinh tế vĩ mô, đặc biệt là kiểm soát lạm phát và duy trì lãi suất thấp. Các chính sách này ban đầu được đánh giá đã phát huy tác động, hiệu quả, tạo động lực khôi phục và phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Kinh tế - Xã hội 9 tháng đầu năm 2022 của nước ta đã đạt được nhiều kết quả tích cực, hầu hết các ngành, lĩnh vực có xu hướng phục hồi và tăng trưởng trở lại.

Trong bối cảnh chung như vậy, tổng sản phẩm nội địa (“GDP”) Quý 3 năm 2022 tăng trưởng 13,7% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng trưởng cao nhất của Quý 3 so với các năm trong giai đoạn 2011-2021. Trong cơ cấu GDP của Quý 3 so với Quý 3 năm 2021, khu vực tăng trưởng mạnh nhất là khu vực dịch vụ tăng trưởng 18,8%, tiếp theo là khu vực công nghiệp và xây dựng với mức tăng trưởng 12,9%, tiếp theo là khu vực nông nghiệp tăng trưởng đạt 3,2%. Đối với hoạt động ngoại thương, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa quý 3 năm 2022 đạt 96.5 tỷ USD, tăng 17,2%, xuất khẩu đạt 90,7 tỷ USD. Với tốc độ tăng trưởng như vậy, hoạt động ngoại thương của Việt Nam được dự báo có thể đạt mức kỷ lục hơn 700 tỷ USD trong năm 2022. Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (“PMI”) tháng 09 năm 2022 ghi nhận tại mức 52,2 giảm nhẹ so với mức 52,7 của tháng 8 năm 2022, PMI kỳ tháng 9 cho thấy các điều kiện kinh doanh đang vẫn tiếp tục được cải thiện, mặc dù các áp lực về chi phí sản xuất đầu vào cũng như thiếu hụt đơn hàng đang có áp lực ngày càng lớn. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (“FDI”) lũy kế đến quý 3 năm 2022 duy trì tích cực khi vốn giải ngân tăng 16% đạt mức 15,4 tỷ USD, trong khi đó vốn đăng ký giảm 15,6% so với cùng kỳ năm trước đạt mức 18,7 tỷ USD. Đối với kiểm soát lạm phát, mặc dù áp lực khá lớn từ giá dầu thế giới cũng như giá hàng hóa đầu vào tăng mạnh kể từ đầu năm nhưng lạm phát của Việt Nam đã được kiểm soát khá tốt, chỉ số giá tiêu dùng (“CPI”) tháng 9 năm 2022 ở mức 3,94% so với tháng 9 năm 2021, tương ứng tăng 3,32% so với đầu năm, dưới mức mục tiêu 4% của Chính Phủ.

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong quý 3 năm 2022 chứng kiến sự sụt giảm mạnh, phản ánh các rủi ro của thị trường trong thời gian qua như lạm phát, lãi suất, tỷ giá và các bất ổn thế giới… Chỉ số VN-index đóng cửa ngày 30 tháng 09 năm 2022 đạt 1.132 điểm giảm 5,4% so với cuối tháng 6 năm 2022. Số liệu HOSE cho thấy vốn hóa thị trường đến ngày 30 tháng 09 năm 2022 là hơn 192,5 tỷ USD so với 205,4 tỷ USD của cuối Quý 2. Giá trị giao dịch bình quân giảm mạnh chỉ còn 13 ngàn tỷ đồng/phiên từ mức 17 ngàn tỷ đồng/phiên trong Quý 2.

**4. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ**:

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **1 năm đến thời điểm báo cáo (%)** | **3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)** | **Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)** |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | -15,08% | 20,44% | 31,69% |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ | -15,08% | 6,39% | 7,63% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu (\*) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ (\*\*) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |

(\*) Quỹ không có danh mục cơ cấu.

(\*\*) Quỹ không có giá trị thị trường.

● Thay đổi NAV:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 30/09/2022 | 30/09/2021 | Tỷ lệ thay đổi |
| NAV của Quỹ | 137.898.339.272 | 140.999.663.807 | -2,20% |
| NAV trên 1 CCQ (“NAV/CCQ”) | 13.168,95 | 15.507,66 | -15,08% |

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quy mô nắm giữ (Đơn vị)** | **Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ** | **Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ** | **Tỷ lệ nắm giữ (%)** |
| Dưới 5,000 | 925 | 1.218.451,81 | 11,64% |
| Từ 5,000 – dưới 10,000 | 84 | 575.308,65 | 5,49% |
| Từ 10,000 – dưới 50,000 | 54 | 986.502,11 | 9,42% |
| Từ 50,000 – dưới 500,000 | 8 | 691.211,03 | 6,60% |
| Từ 500,000 | 1 | 7.000.000,00 | 66,85% |
| **Tổng cộng** | **1.072** | **10.471.473,60** | **100,00%** |

**4.3.** **Chi phí ngầm và giảm giá**

Quỹ không có chi phí ngầm. Tất cả các chi phí của Quỹ được quy định chi tiết trong điều lệ Quỹ và bản cáo bạch.

**5. Thông tin về triển vọng thị trường**

Biểu đồ bên dưới thể hiện diễn biến chỉ số VN-index (dây màu xanh, chiếu qua trục bên phải) và giá trị giao dịch (cột màu đỏ, chiếu qua trục bên trái, đơn vị: tỷ đồng/ ngày)



Quý 3 năm 2022, nền kinh tế Việt Nam được cho là có nhiều khó khăn và thuận lợi đan xen. Điều đó cũng đang được phản ánh vào trong thị trường chứng khoán trong Quý 3 năm 2022. Trong tháng 8 thị trường tăng trưởng tốt khi VN-index phục hồi về mức 1.288 điểm trong tháng 8 với kỳ vọng tăng trưởng GDP Quý 3 tăng mạnh so với năm trước và lạm phát cũng như tỷ giá được kiểm soát một cách hợp lý. Tuy nhiên với các khó khăn dần xuất hiện kể từ cuối tháng 8: các yếu tố bên ngoài với khủng hoảng địa chính trị giữa Nga và Ukraina chưa có dấu hiệu kết thúc, lạm phát và lãi suất của các nền kinh tế lớn trên thế giới tăng mạnh, chính sách tiền tệ thắt chặt đã diễn ra; tình hình trong nước, Ngân hàng nhà nước đã điều chỉnh tăng mạnh lãi suất và tỷ giá trong cuối tháng 9 đã tác động đến tâm lý nhà đầu tư bất chấp GDP tăng trưởng khả quan... VN-index đóng cửa ngày 30 tháng 09 năm 2022 lùi về mốc 1.132 điểm, giảm 5,4% so với cuối tháng 6 năm 2022, giảm 24,4% so với cuối năm 2021. Thanh khoản của thị trường cũng giảm mạnh tương ứng với giá trị giao dịch trung bình là 13.600 tỷ đồng trên một phiên giao dịch từ mức bình quân 17.100 tỷ đồng trong Quý 2. Dòng tiền tư khối ngoại vẫn chưa quay lại thị trường, đối với dòng vốn ngoại thông qua các quỹ danh mục hoán đổi (“ETF”) chưa thực sự tích cực, trong khi các nhà đầu tư cá nhân cũng dần rút ra khỏi thị trường trước các rủi ro dần gia tăng.

Ngoài ra, với mong muốn phát triển thị trường chứng khoán được minh bạch, hướng dòng tiền của nền kinh tế vào lĩnh vực sản xuất, giảm dần đầu cơ vào các kênh tài sản như bất động sản, chính phủ đã bắt đầu kiểm soát các giao dịch bất hợp pháp trên thị trường chứng khoán, các loại trái phiếu kém chất lượng đã phát hành trong thời gian qua. Nhiều cá nhân và tổ chức đã bị xem xét xử lý hình sự liên quan đến các hoạt động trên. Trong ngắn hạn đã gây tâm lý tiêu cực đến thị trường, dẫn đến những biến động mạnh từ Quý 2 đến nay. Tuy nhiên trong dài hạn dự kiến thị trường vẫn có nhiều động lực tăng trưởng mới như hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp có thể được cải thiện sau khi hoạt động sản xuất gần như đã trở lại bình thường, gói kích thích kinh tế trị giá 350.000 tỷ đã được Quốc Hội thông qua và tiếp tục được Chính Phủ triển khai trong Quý 4 và 2023, các giải pháp làm minh bạch hóa thị trường nhằm hướng đến việc nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam trong vài năm tới bắt đầu được kỳ vọng và thực thi. Mặc dù vậy nhưng nhiều khó khăn trước mắt vẫn còn đó như thiếu hụt đơn hàng xuất khẩu do nhu cầu thế giới giảm, giá cả đầu vào tiếp tục duy trì mức cao, khả năng tiếp cận vốn tín dụng của doanh nghiệp là hạn chế khi các Ngân hàng đã siết chặt các điều kiện cho vay cũng nhu chính sách hạn chế tăng trưởng tín dụng của NHNN.

Trong thực tế, luôn có những sự kiện xảy ra và ảnh hưởng tiêu cực lên thị trường chứng khoán; tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của các biến cố thường mang tính chất ngắn hạn so với cả quá trình phát triển bền vững lâu dài của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Những bất ổn vĩ mô của nền kinh tế hoặc các sự kiện tiêu cực sẽ qua đi và dần được điều chỉnh để giúp nền kinh tế phục hồi. Việt Nam đã có nhiều kinh nghiệm trong việc điều hành nền kinh tế vượt qua các giai đoạn khó khăn. Vì vậy chúng tôi tin rằng với nhiều giải pháp hợp lý trong điều hành vĩ mô thời gian gần đây như nỗ lực đẩy lùi các hoạt động đầu cơ, lũng đoạn thị trường, giữ lạm phát và tỷ giá ổn định, điều hành giảm giá xăng dầu giảm mạnh, thị trường chứng khoán sẽ dần phục hồi, niềm tin của nhà đầu tư trở lại thì thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục phục hồi và tăng trưởng trong dài hạn. Các tổ chức quốc tế đều đồng thuận cho rằng nền kinh tế Việt Nam là điểm sáng hiếm hoi trong bối cảnh suy thoái toàn cầu. Nền kinh tế Việt Nam dự báo sẽ hồi phục dần và tăng trưởng ổn định trong các năm tiếp theo. Trong trung dài hạn thị trường Chứng khoán Việt Nam vẫn sẽ nhiều tiềm năng phát triển khi:

* Với môi trường kinh tế vĩ mô: Việt Nam được đánh giá phát triển ổn định thể hiện qua các tiêu chí như tăng trưởng GDP cao, lạm phát được kiểm soát ở mức vừa phải so với các quốc gia khác, tỷ giá dự báo tiếp tục ổn định , tình hình thu hút FDI vẫn được duy trì chưa có dấu hiệu tiêu cực,... Như vậy, nền kinh tế Việt Nam đang tiếp tục bước vào giai đoạn phát triển với một chu kỳ kinh tế mới cùng với nhiệm kỳ mới của Chính Phủ.
* Về đánh giá Thị trường Chứng khoán: với định giá hợp lý và mức sinh lời hấp dẫn hơn so với các thị trường trong khu vực (mức giá trên thu nhập cổ phiếu (“PER”) hợp lý trong khi mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu (“ROE”), mức sinh lời trên tài sản (“ROA”) khá cao). Tầng lớp trung lưu tăng lên và tham gia ngày càng nhiều vào thị trường chứng khoán, thể hiện qua số tài khoản mở mới tăng mạnh trong 2 năm qua.

Ngoài ra, các yếu tố mang tính sự kiện, xúc tác tạo động lực tăng trưởng cho Thị trường Chứng khoán như (i) việc nới room cho Nhà đầu tư nước ngoài; (ii) thúc đẩy cổ phần hóa và niêm yết Doanh nghiệp Nhà nước. Đẩy mạnh giải ngân đầu tư công từ giai đoạn năm 2022-2023 cùng với gói hỗ trợ phát triển kinh tế đã được Quốc hội thông qua trong năm 2022; (iii) triển vọng nâng hạng Thị trường Việt Nam (FTSE Russel và MSCI Emerging Market); (iv) tích cực đẩy mạnh tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTAs); (v) thu hút vốn đầu tư vào thị trường chứng khoán thông qua các sản phẩm như quỹ chỉ số, hợp đồng tương lai, quyền chọn và Luật chứng khoán mới hiệu lực từ năm 2021.

Tuy nhiên chúng tôi vẫn khuyến nghị thận trọng với những rủi ro vĩ mô có thể tiếp tục xấu đi và ảnh hưởng sâu rộng đến tình hình kinh tế Việt Nam cũng như trên toàn thế giới: lạm phát đã tăng cao và chưa có dấu hiệu giảm, bong bóng tài sản có dấu hiệu được thổi phồng khắp nơi trên thế giới do các chính sách ồ ạt nới lỏng tiền tệ để kích thích kinh tế phục hồi tăng trưởng hậu Covid-19, môi trường lãi suất tăng cao và chính sách thắt chặt tiền tệ bắt đầu thực thi, bất ổn địa chính trị là những ẩn số không lường trước được. Đối với trong nước, rủi ro thị trường trái phiếu doanh nghiệp và nợ xấu của hệ thống ngân hàng chưa do lường hết quy mô và bức tranh rủi ro rõ ràng hơn. Giữ lạm phát và tỷ giá ổn định như hiện nay được đánh giá khá thách thức cho Chính Phủ.

Đánh giá chung, với các yếu tố cơ bản về giá trị kết hợp với các yếu tố định tính như phân tích ở trên cho thấy Thị trường Chứng khoán Việt Nam trong thời gian tới tiếp tục có những kịch bản sáng sủa cùng với kỳ vọng tiếp tục khởi sắc dần của nền kinh tế, tạo tiền đề cho sự phát triển lâu dài trong những năm tiếp theo; và dĩ nhiên bức tranh sáng sủa phải kèm theo những giả định về tác động từ các rủi ro từ bên ngoài không quá lớn, lạm phát và tỷ giá kiểm soát tiếp tục ổn định, rủi ro của hệ thống ngân hàng thương mại trong tầm kiểm soát.

**6. Thông tin khác**

**6.1. Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ông** **Trần Châu Danh**  Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư | ***Trình độ chuyên môn***   * Cử nhân Kinh tế Đối ngoại, Đại học Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh; * Cử nhân Ngân hàng, Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh; * Thạc sỹ Kinh tế Phát triển, Chương trình Cao học Kinh tế Phát triển Việt Nam – Hà Lan, Thành phố Hồ Chí Minh; * Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst); * Văn bằng Chuyên gia Phân tích Kỹ thuật Thị trường Chứng khoán CMT (Chartered Market Technician); * Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.   ***Kinh nghiệm làm việc***  Ông có hai mươi (20) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư. Ông đã tham gia hoạt động vào Thị trường Chứng khoán Việt nam từ khi thị trường mới được thành lập. Trước khi gia nhập Công ty, ông đã làm việc tại Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam với vai trò là Phó Tổng Giám đốc Đầu tư, phụ trách các hoạt động đầu tư và quản lý tài sản nợ có từ năm 2011.Trước khi gia nhập Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, ông Danh từng giữ các vị trí chủ chốt tại các công ty quản lý quỹ trong và ngoài nước, đặc biệt ông Danh có hơn bảy (07) năm kinh nghiệm tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (trước đó có tên là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Prudential Việt Nam). |
| **Ông** **Masafumi Takeshita**  Phó Giám đốc, Trưởng Bộ phận Kế hoạch Công ty và Quản trị Rủi ro | ***Trình độ chuyên môn***   * Thạc sĩ Kinh tế, Đại học Hitotsubashi, Nhật Bản; * CMA level 2, Hiệp hội phân tích chứng khoán Nhật Bản (SAAJ).   ***Kinh nghiệm làm việc***  Ông đã có hơn mười (10) năm kinh nghiệm làm việc và nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, đầu tư ở nước ngoài. Trước khi sang Việt Nam làm việc tại Công ty, ông đã có hơn bốn (04) năm kinh nghiệm ở vị trí cấp cao phụ trách hoạt động tín dụng của Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Nhật Bản; một trong những công ty bảo hiểm hàng đầu và uy tín tại Nhật Bản có trụ sở chính tại Tokyo. Trước đó, ông đã có thời gian làm việc tại bộ phận phân tích của Ngân hàng Mizuho – Chi nhánh Singapore. |
| **Ông Đặng Vị Thanh**,  Phó Giám đốc, Trưởng Bộ phận Phát triển Kinh doanh | ***Trình độ chuyên môn***   * Cử nhân Kinh tế Thương mại, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, * Cử nhân Anh ngữ, Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh; * Chứng chỉ Quốc tế chuyên ngành Bảo hiểm Nhân thọ: Fellowship, Life Management Institue (FLMI); * Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.   ***Kinh nghiệm làm việc***  Ông đã có hơn mười lăm (15) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, quản lý quỹ; trong đó hơn mười (10) năm được đề bạt vào các chức danh quản lý tại các công ty quản lý quỹ hàng đầu Việt Nam. Trước khi gia nhập Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam, ông từng là Trưởng phòng Kinh doanh và Tiếp thị tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam và sau đó đảm nhiệm vị trí Giám đốc Kinh doanh, Khối khách hàng cá nhân của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (trước đó có tên là VinaWealth). Ông có sự am hiểu sâu sắc về thị trường quỹ mở và tích cực đóng góp cho sự phát triển của thị trường quỹ mở tại Việt Nam. |

**6.2. Người điều hành Quỹ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ông** **Đặng Nguyễn Trường Tài,**  Phó Giám đốc Đầu tư | ***Trình độ chuyên môn***   * Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh; * Thạc sỹ Quản trị Chương trình cao học Đại học UQAM (University of Quebec at Montreal, Canada); * CFO của PACE phối hợp với Học viện Quản trị Tài chính Hoa Kỳ AAFM; * Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.   ***Kinh nghiệm làm việc***  Ông có hơn mười lăm (15) năm làm việc trong lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân hàng, trong đó có hơn mười (10) năm giữ chức vụ Phụ trách đầu tư cổ phiếu tại các Công ty: Công ty Quản lý Quỹ Nhân Việt, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam và Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam. |
| **Bà****Trần Thị Anh Trâm,**  Trưởng phòng Cao cấp  Bộ phận Nghiệp vụ Quản lý Quỹ | ***Trình độ chuyên môn***   * Cử nhân Luật, Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh; * Cử nhân chuyên ngành Kế toán-Kiểm toán, Đại học Văn Lang; * Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.   ***Kinh nghiệm làm việc***  Trên mười bốn (14) năm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán và đầu tư. Trong đó có hơn mười (10) năm kinh nghiệm quản lý tài sản tại các Công ty: Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam và Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam. |

**6.3. Ban Đại diện Quỹ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ông Đỗ Hùng Việt**  Chủ tịch | Ông đã có hơn hai mươi (20) năm kinh nghiệm ở nhiều vị trí quản lý trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, đầu tư.  Ông từng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Công ty Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HSC”). Trước đó, ông đã từng giữ cương vị Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc HSC và Phó Chủ tịch Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam (“VASB”). Trước khi gia nhập HSC, ông đã có bốn (4) năm làm việc tại Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (“HIFU”) với vị trí Trưởng phòng ủy thác. |
| **Ông Huỳnh Văn Dũng**  Thành viên | Ông đã có hơn hai mươi (20) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán và cung cấp dịch vụ chuyên ngành trong lĩnh vực kiểm toán.  Ông hiện đang là Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (“VAE”). Ông đã có thời gian đảm nhiệm cương vị Giám đốc của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn An Việt; và đã từng là Chủ nhiệm Kiểm toán cao cấp của VACO – Deloitte JV.  Ông có Chứng chỉ Kiểm toán viên quốc gia (“CPA”), là thành viên Hội Kiểm toán Hành nghề Việt Nam (“VACPA”), thành viên Hội Kế toán Kiểm toán Việt Nam (“VAA”) và thành viên Hội tư vấn Thuế Việt Nam (“VTCA”). |
| **Ông Nguyễn Gia Huy Chương**  Thành viên | Ông đã có hai mươi (20) năm kinh nghiệm về tư vấn doanh nghiệp, tư vấn thuế và bất động sản. Công việc của ông chủ yếu trong các lĩnh vực: tư vấn về doanh nghiệp, mua bán và sáp nhập và mở rộng danh mục khách hàng đến cả các lĩnh vực chuyên môn nhất: bất động sản, nghỉ dưỡng, xây dựng, tài chính công nghệ, y tế, ẩm thực và đồ uống (“F&B”), quản lý cảng, vận tải và viễn thông.  Hiện tại, ông đang đóng vai trò là Luật sư điều hành của Global Vietnam Lawyers LLC (“GV Lawyers”), một công ty luật quốc tế được thành lập gần đây bởi một nhóm luật sư tận tâm và giàu kinh nghiệm, những người đã tạo dựng và đẩy mạnh sự nghiệp của mình tại các công ty luật hàng đầu của Việt Nam. Trong đó, gần đây nhất, có Công ty luật Phước & Các Cộng sự (“Phuoc & Partners”). Ông đã có hơn 10 năm liên tục trong vai trò là Giám đốc và là Luật sư điều hành của Phuoc & Partners.  Ông có bằng Thạc sĩ luật chuyên ngành Luật Thương mại Quốc tế tại Trường Luật Bristol Law School, Đại học UWE Bristol, UK; là thành viên Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh và thành viên Hiệp hội Luật sư Châu Á Thái Bình Dương. |

*Tp, Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 10 năm 2022*

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**

**Trần Châu Danh**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**